

QUÊ HƯƠNG, GIA THỂ VÀ SỰ NGHIỆP CỦA DANH NHÂN NGÔ BÁ NHÂN

Nguyễn Văn Đăng

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

*Email: nvdang2101@gmail.com

Ngày nhận bài: 18/01/2024; ngày hoàn thành phản biện: 25/02/2024; ngày duyệt đăng: 5/3/2024

TÓM TẮT

Ngô Bá Nhân là một danh nhân đầu triều Nguyễn. Sau khi đất nước thống nhất vào đầu thế kỷ XIX, ông ra làm quan và có nhiều đóng góp trên nhiều lĩnh vực. Các sử sách cho biết ông người huyện Vĩnh Linh, tìm về vùng đất lửa Vĩnh Linh và may mắn thay đã tìm ra quê quán của ông tại làng Cổ Trai, có gốc từ họ Mạc. Từ các nguồn sử liệu, đặc biệt là tư liệu điền dã tại xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, người viết muốn làm rõ về quê hương, gia thế và bước đầu tìm hiểu về sự nghiệp của vị Tuần phủ đầu tiên của tỉnh An Giang này.

Từ khóa: Danh nhân triều Nguyễn, Ngô Bá Nhân, Vĩnh Linh, Quảng Trị.

1. MỞ ĐẦU

Ngô Bá Nhân là một danh nhân đầu triều Nguyễn, sau khi Gia Long thống nhất đất nước, ông ra làm quan và có nhiều đóng góp cho đất nước trên nhiều lĩnh vực. Ông từng giữ nhiều chức vụ quan trọng ở 2 bộ: Hộ Bộ và Binh Bộ, 2 thành: Bắc Thành và Gia Định thành, Hiệp trấn Sơn Tây, Bảo hộ Cao Miên, án giữ đồn Châu Đốc kiêm lãnh việc biên giới trấn Hà Tiên, Tuần phủ An Giang và mất tại đây.

Về gốc tích của ngài Tuần phủ, các sử sách không cho biết cụ thể. Sách *Liệt truyện* viết rất vắn tắt: “Ngô Bá Nhân người huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, có tiếng là người văn học. Vào năm Tân Dậu (1801) đời Gia Long đem lòng thành quy phục. Lúc đầu, thử cho làm chức Câu kê Quảng Bình” [11, tr. 294]. Điều đó thôi thúc chúng tôi tìm về vùng đất lửa Vĩnh Linh và may mắn thay đã tìm ra quê quán của ông tại làng Cổ Trai. Qua tư liệu điền dã tại xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, người viết muốn làm rõ về quê hương và gia thế của ông, ghi nhận thêm về sự nghiệp của Tuần phủ Ngô Bá Nhân.

2. QUÊ HƯƠNG CỔ TRAI, VĨNH GIANG, VĨNH LINH, QUẢNG TRỊ

2.1. Về xã Vĩnh Giang

Xã Vĩnh Giang nằm về phía Đông Nam của huyện Vĩnh Linh, có chiều dài 9km, chiều rộng trung bình 2,5 km. Bắc giáp 2 xã Vĩnh Thành và Vĩnh Tân, Nam giáp sông Bến Hải, Đông giáp xã Vĩnh Quang, Tây giáp sông Bến Hải và xã Vĩnh Thành. Vĩnh Giang nằm trên Tỉnh lộ 70 nối Quốc lộ 1A với cửa Tùng. Sông Bến Hải/ Hiền Lương chảy từ đầu đến cuối xã xanh trong thơ mộng. Vĩnh Giang đất hẹp người đông, sát sông, gần biển, có vùng đất màu mỡ trồng cây công nghiệp, cây lưu niên, trồng lúa và các đầm hồ nước ngọt, nước lợ...

Tên gọi Vĩnh Giang bắt đầu từ năm 1951. Năm 1955, khu vực Vĩnh Linh thành lập và trở thành một khu vực hành chính đặc biệt. Xã Vĩnh Giang có làng Tân Trại Hạ, Cổ Trai, Tùng Luật, Di Loan, An Ninh, Mỹ Lộc và Phước Lý.

Xã Vĩnh Giang có nhiều tôn giáo, tín ngưỡng và các cơ sở thờ tự khá nổi bật. Phật giáo và Công giáo rất phát triển, có nhiều chùa nổi tiếng như Tân Quang Tự, Cổ Quang Tự, Lâm Quang Tự, Đức An Tự và các nhà thờ Công giáo: Họ Đông, An Ninh, Di Loan, Hoàn Ninh, Cổ Trai Đông; 2 tu viện: Chứng viện An Ninh và Nhà phước Di Loan. Nhà thờ Di Loan thuộc trung tâm Giáo xứ An Du. Di Loan là làng Công giáo toàn tòng, là quê hương của Lê Hữu Từ, Giám mục quản đạo Bùi Chu, Phát Diệm ở Bắc Bộ. Trải qua chiến tranh, các ngôi cổ tự, tu viện, nhà thờ Công giáo nơi đây không còn nguyên vẹn, một số cơ sở mới được xây dựng lại đơn giản sau này.

Vĩnh Giang có thể xem là một trong vài danh hương, vùng địa linh nhân kiệt của Quảng Trị. Theo gia phả một số dòng họ của các làng cổ tại đây thì nguồn gốc cư dân ở các tỉnh Thanh Hóa, Hải Dương, Nghệ An, Nam Định. Vĩnh Giang là quê hương hiếu học, khoa bảng với 1 vị Cử nhân khai khoa cho huyện là Lê Khánh Trinh (năm 1831), 1 Phó bảng Lê Khánh Thiện và nhiều quan lại dưới triều Nguyễn. Vĩnh Giang còn là quê hương của các điệu dân ca, hò chèo cạn nổi tiếng ven bờ Hiền Lương, nơi sản sinh nhiều nghệ sĩ nổi tiếng. Hiện nay, xã có 8 tiến sĩ, 5 đại tá, nghệ sĩ nhân dân Châu Loan, 2 nghệ sĩ ưu tú [2, tr.5-8].

2.2. Cổ Trai là một ngôi làng cổ nổi tiếng của Vĩnh Linh

Vĩnh Giang có khá nhiều các làng cổ mà Cổ Trai là một trong số đó. *Ô châu cận lục* cho biết vào giữa thế kỷ XVI, đã có 4 làng Cổ Trai, Tân Trại, Tùng Luật, Mô Nham của xã Vĩnh Giang trong 65 làng của châu Minh Linh.

Huyện Vĩnh Linh xưa là châu Ma Linh sáp nhập vào Đại Việt năm 1069 dưới thời Lý. Theo tư liệu điền dã tại địa phương thì tại xứ Cồn Lãng (còn gọi là Nam Cừ)

của làng Cổ Trai có một lũy đất mà sử sách gọi là Cổ Lũy. Học giả Léopol Cadière¹ trong một khảo cứu công phu “Về bà vợ của Sãi Vương” trong tạp chí *Những người bạn của cố đô Huế* cũng ghi nhận Thành Cổ Lũy² án ngữ phía Tây làng Tùng Luật và Cổ Trai có ghi trong bản đồ Đại Việt từ năm 1069, hiện nay vẫn còn dấu tích ở vùng lòi Cổ Mỹ và phỏng đoán rằng: “... Xưa có thể đã giữ một vị trí quan trọng trong các chiến trận đẫm máu của nước An Nam vào thế kỷ XV và đầu thế kỷ XVI. Tiếc thay đã không có một tài liệu nào cho phép hiểu biết về lũy đất quân sự này, nên cũng khó nói là nó có liên quan với các trận đánh của họ Mạc” [3, tr. 269].

Những dấu tích về Cổ Lũy xưa ngày nay vẫn còn ở vùng Cồn Lãng. Trên một bãi cát gần lũy đất, xưa kia đã có một sự qui tụ dân cư sinh sống, bởi vì tại đây người ta đã tìm thấy nhiều mẫu đồ sành sứ; có thể đó là dấu vết của lò gốm trong vùng, tiêu biểu như đồ gốm của làng Phước Lý cùng xã.

Cổ Trai ở Quảng Trị có liên quan đến làng Cổ Trai ở huyện Nghi Dương, trấn Hải Dương, quê hương của dòng họ nhà Mạc (1528 - 1592, 1594 - 1677) trong lịch sử Việt Nam, nay thuộc xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng.

Cổ Trai chính là làng gốc của họ Ngô. Gia phả họ Ngô chép: “Tỉnh Hải Dương, phủ Kinh Môn, huyện Nghi Dương, làng Cổ Trai đại hương (làng Cổ Trai lớn)”. Sách *Ô châu cận lục* của Dương Văn An viết giữa thế kỷ XVI (in năm 1555) đã có tên Cổ Trai; sách cho biết: “Cổ Trai biển khơi làm nghiệp..., Liêm Luật, Tùng Luật giỏi nghề đánh cá” [1, tr. 73]. Có thể vì nhiều lý do cư dân Cổ Trai tụ cư cuối thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XVI đã không còn nhiều ở làng này. Như thế, vấn đề đặt ra là có thể có một bộ phận họ Mạc đến định cư và lập làng Cổ Trai vào thời điểm trước khi Nguyễn Hoàng cùng Mạc Cảnh Huống vào Nam năm 1558 hay không?

Theo hương sử của làng mà L. M. Cadière đọc được năm 1922, làng có nhiều dòng họ có gốc tích khác nhau, có nhiều gia đình đã ở đó từ trước. Phần lớn người làng Cổ Trai (Quảng Trị) cho rằng họ là một bộ phận ly hương từ làng Cổ Trai ở Hải Dương cũ (gọi là “Cổ Trai đại hương”) [3, tr. 264].

Theo gia phả họ Nguyễn Trường (dòng họ của Mạc Cảnh Huống) và gia phả họ Ngô ở làng đều có chung nhận định là từ khi Mạc Cảnh Huống theo Nguyễn Hoàng và

¹ Léopold Michel Cadière (1869 - 1955) là một học giả nổi tiếng, một trong những nhà Việt Nam học đầu tiên. Ông đã sáng lập, chủ biên, chủ bút tạp chí *Bulletin des Amis du Vieux Huế* (BAVH – Những người bạn cố đô Huế) xuất bản trong suốt 30 năm (1914 - 1944).

² Trung tâm Quản lý Di tích và Bảo tàng tỉnh Quảng Trị đã tiến hành đào các hố thám sát di tích Cổ Lũy này trong 2 năm 2018 - 2019. Kết quả bước đầu chưa cho thấy dấu tích của văn hóa Champa, chỉ tìm thấy dấu vết của giai đoạn hậu kỳ đồ đá mới, dấu tích của thành lũy của thời Trần và nhiều đồ gốm trong các thế kỷ XV-XVII.

ông tổ của họ Ngô (gọi là “ông Kiều”³) vào đây thì vì có công với làng nên dân làng đã mang tên Cổ Trai.

Chúng tôi cho rằng, có thể đã có một bộ phận người làng Cổ Trai đại hương vào định cư, lập nên làng Cổ Trai ở Vĩnh Linh từ trước năm 1555. Vì nhiều lý do, đặc biệt là do chiến tranh Nam Bắc triều (1545 - 1592) nên dân làng phiêu tán, tàn nát, không còn nhiều người định cư ở làng. Đến khi hai ông họ Mạc là Mạc Cảnh Huống và “Ông Kiều” vào nhập tịch sinh sống ở làng Cổ Trai cuối thế kỷ XVI⁴, thì từ đó làng Cổ Trai qui tụ dân cư đông đảo và phát triển sầm uất hơn.

Đến cuối thế kỷ XVIII, *Phủ biên tạp lục* thống kê cho thấy ngoài 4 làng trên, xã Vĩnh Giang có thêm làng Di Luân (tức Di Loan) trong 21 xã, 13 phường của tổng Minh Lương, huyện Minh Linh, phủ Quảng Bình [4, tr. 82]. Đầu thế kỷ XX, làng Cổ Trai phân thành 2 phe là Cổ Trai Đông (tên dân gian là Đông Cừu) và Cổ Trai Tây (Tây Cừu hay Nam Cừu). Hiện nay cả 2 phe đều thuộc thôn Cổ Mỹ, xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh.

Trong văn tế của làng Cổ Trai ngày 15 - 5 âm lịch hàng năm dâng lễ kỵ Thành Hoàng và thờ cúng ba nhân vật họ Mạc: Mạc Cảnh Huống, Hy tôn Hiếu Văn Hoàng hậu (vợ của Sãi Vương Nguyễn Phúc Nguyên) là cháu gái Mạc Cảnh Huống và một người con gái họ Mạc theo bà Hiếu Văn là “Bà Kiều”. Đó là những nhân vật gốc họ Mạc có công lớn với làng. Tương truyền bà Hiếu Văn đã cúng cho làng một trăm quan tiền. Còn ông bà Kiều, tổ họ Ngô góp phần khai phá và phát triển hơn nữa làng Cổ Trai.

Cổ Trai là một làng nổi tiếng bậc nhất của xã Vĩnh Giang về truyền thống hiếu học, khoa bảng tạo nên truyền thống hiếu học của huyện Vĩnh Linh, với một Cử nhân và một Phó bảng. Làng Cổ Trai còn có nhiều quan lại dưới thời quân chủ mà tiêu biểu là dòng họ Ngô của Ngô Bá Nhân.

3. DÒNG HỌ NGÔ CÓ GỐC TỪ HỌ MẠC, GÓP PHẦN QUAN TRỌNG VÀO SỰ PHÁT TRIỂN LÀNG CỔ TRAI

3.1. Về ông tổ họ Ngô đổi từ họ Mạc sang họ Ngô

Theo sự tìm hiểu của chúng tôi, sau năm 1592, để tránh liên lụy, họ Mạc ít nhất đã đổi tên họ thành nhiều họ khác khi di cư vào miền Trung, đặc biệt trên đất Nghệ An

³ Gia phả họ Ngô cho ta biết quá trình đổi họ từ họ Mạc sang họ Ngô vì tự dạng chữ Hán gần giống nhau và “ông tổ Ngô Đại lang” được dân gian gọi là “Ông Kiều” và bà vợ của ông là “Bà Kiều”.

⁴ Cần lưu ý là sử sách và gia phả đều ghi Mạc Cảnh Huống theo Nguyễn Hoàng vào Nam. Nguyễn Hoàng vào Nam 3 lần: lần 1 năm 1558, lần 2 năm 1570 và lần 3 năm 1600.

thì đổi thành các họ Hoàng, Thái, Phan, Phạm... Riêng ở làng Cổ Trai (Vĩnh Linh), chúng tôi tìm thấy họ Mạc đổi thành 2 họ là họ Nguyễn (được chúa Nguyễn ban quốc tính) và dòng họ Ngô. Cả 2 họ này đều có nhiều quan lại lớn phục vụ cho chúa Nguyễn và vua Nguyễn trong các thế kỷ XVII – XIX. Nếu như họ Nguyễn dòng dõi của Mạc Cảnh Huống vào sinh sống, định cư ở Duy Xuyên thì may mắn thay, họ Ngô chính là họ đã sản sinh ra ngài Ngô Bá Nhân và hiện còn con cháu sống trong làng.

Mạc Cảnh Huống trở thành một trong 3 nhân vật (cùng Nguyễn Ứ Dĩ và Tống Phước Trị) đắc lực giúp chúa Tiên Nguyễn Hoàng dựng nghiệp lớn, được truy phong là các bậc khai quốc công thần của chúa Nguyễn [5, tr. 7]. Con ông là Mạc Cảnh Vinh (1578-1654) hay Nguyễn Hữu Vinh⁵ làm quan Phó tướng theo chủ sự Văn Phong vào trấn áp Chiêm Thành, xây dựng đồn lũy, lập dinh Trấn Biên tại làng Phú Hội, An Ninh, Tuy An (nay là Phú Yên). Vì hai cha con Mạc Cảnh Huống có công trạng đặc biệt như thế nên được chúa Nguyễn ban quốc tính thành họ Nguyễn Hữu từ ông Nguyễn Hữu Vinh (đời 2). Đến đời thứ 7 của dòng họ thì mang họ Nguyễn Trường (nay có nhà thờ ở xã Duy Sơn, Duy Xuyên, Quảng Nam).

Người cháu gái của Mạc Cảnh Huống đã được phép lấy danh xưng họ Nguyễn, tức bà Nguyễn Thị Giai được gia phả của Nguyễn Phúc tộc ghi lại: “Nguyễn Thị Giai (Hy Tông Hiếu Văn Hoàng hậu), sinh năm Mậu Dần (1578) – Trưởng nữ của Khiêm Vương Mạc Kính Thiên, người là Nghi Dương (tinh Hải Dương). Khi thân sinh bị tử trận, bà và gia quyến vào Nam ẩn cư tại chùa Lam Sơn của chú Mạc Cảnh Huống. Phu nhân ông Huống là bà dì của Hy Tông Nguyễn Phúc Nguyên (Sãi Vương) vì thế bà được tiến cung vào hầu ở nơi tiềm ẩn (phủ chúa). Bà tính nết hiền thực, cử chỉ đoan trang, thanh nhã. Lời nói, hành động đều đúng khuôn phép nên đức Hy Tông rất thương yêu và cho đổi thành họ Nguyễn” [7, tr. 115]. Bà là người con gái nổi tiếng của làng Cổ Trai.

Vì chiến tranh, hầu hết các làng ở vùng Vĩnh Linh không còn gia phả gốc. May mắn thay học giả Léopol Michel Cadière đã đọc được gia phả họ Ngô và biết được vài nét về nguồn gốc dòng họ này trong bài viết “Về bà vợ của Sãi Vương” trong tạp chí Bulletin des Amis du Vieux Huế (BAVH) năm 1922 [3, tr. 262 - 274].

L. M. Cadière cho rằng “Gia phả cho rằng họ Ngô trước kia là một nhánh thuộc gia đình họ Mạc nhưng không cho biết lý do. Truyền khẩu dân trong họ cho rằng họ buộc phải đổi tên khi họ Mạc sụp đổ⁶, và đổi sang họ Ngô với tự dạng chữ Hán gần giống nhau (Ngô 吳, Mạc 莫). Cũng theo L. M. Cadière, gia phả họ Ngô giúp ta biết

⁵ Sách của triều Nguyễn ghi là Nguyễn Hữu Vinh, nhưng Gia phả Nguyễn Trường ghi là Nguyễn Phước từ Nguyễn Phước Vinh đến đời 7 (tính từ ông tổ - Mạc Cảnh Huống) thì đổi chữ lót thành thành họ Nguyễn Trường.

⁶ Nhà Mạc bị đánh bật khỏi Thăng Long năm 1592 lên cát cứ ở Cao Bằng (1593 - 1677).

được quá trình đổi họ kể từ “ông tổ Ngô Đại lang” mà dân gian thường gọi là ông Kiều và vợ ông ta được gọi là bà Kiều.

Trước hết gia phả không nói rõ rằng “ông Kiều” đã từ ngoài Bắc vào cùng với các người đi theo bà Hy Tôn Hiếu Văn. Ông tổ Ngô Đại lang sống tại thôn Cổ Trai, tổng Minh Linh với nghề xem bói, và góp phần lập làng để lưu lại cho con cháu. Tại đây đúng là có nhà thờ lưu niệm về sự lập làng của ông tổ Ngô Đại lang, ông có thể là một trong những thành viên của gia đình họ Mạc đã có mặt tại Thuận Hóa trước khi Bà Kiều đến. Cadière cho biết: “Bà Kiều vốn ở làng Cổ Trai đại hương, tỉnh Hải Dương. Theo tài liệu gia phả thì “bà Kiều” đã đi theo bà Hy Tôn Hiếu Văn chạy trốn vào Thuận Hóa; bà Kiều là một “người mẹ đảm đang”... Cũng dựa vào phả hệ và các đoạn tiểu sử cho chúng ta biết khi già từ đất Bắc, bà Hy Tôn Hiếu Văn đến ẩn náu tại nhà chú ruột Mạc Cảnh Huống đã ở sẵn tại Thuận Hóa. Có thể là Bà Kiều cũng đã ẩn náu tại đây trước trước khi kết hôn với ông Kiều” [3, tr. 262]. Hai người có gốc họ Mạc đã mở đầu ông bà thủy tổ của dòng họ Ngô ở làng Cổ Trai.

Như vậy, ông Kiều đã góp phần lập làng Cổ Trai, là thủy tổ của họ Ngô vốn có gốc từ họ Mạc. Ông nằm trong nhóm người nhà Mạc vào Thuận Hóa giữa 2 thời điểm (theo Nguyễn Hoàng lần 2 và theo bà Hiếu Văn - 1593), góp phần việc hình thành và phát triển làng Cổ Trai.

3.2. Về dòng họ Ngô Bá ở Cổ Trai

Nếu ông Kiều vào cùng đợt với Mạc Cảnh Huống (1558, 1570) hoặc sau đó chút ít (trước năm 1600) thì đến nay, dòng họ Ngô có thể truyền nối được khoảng 16-17 đời. Tuy nhiên, do chiến tranh ác liệt nên gia phả gốc mà L. M. Cadière đọc đầu thế kỷ XX không còn và rõ ràng sự kế thừa truyền đời của dòng họ Ngô không được các gia phả sau này ghi chép rõ ràng và liên tục.

Theo gia phả mới lập sau năm 1975 thì dòng họ Ngô này cho đến hiện nay chỉ 11-12 đời và không thống nhất về chữ lót, gần đây một số nhánh của dòng họ có chữ lót là Ngô Quang. Đời 1 và đời 2 không biết tên, có mộ ở xứ Đông Cừ (thôn Cổ Mỹ). Đời 2 làm quan ở ty Xá Sai ở dinh Quảng Bình có bia đá do cháu Ngô Bá Hy dựng năm Nhâm Tý (1852). Đời 2 có 4 người con, ông Ngô Bá Nhân là con trưởng, có mộ ở xứ Tây Cừ (Cồn Lãng) thôn Cổ Mỹ. Mộ ngài Ngô Bá Nhân có bia khắc năm (1852).

Mẹ của Tuần phủ An Giang Ngô Bá Nhân không rõ tên tuổi, quê ở đâu. Khi bà ngoài 80 tuổi, do tiêu dùng không đủ, quan địa phương đem việc ấy tâu lên; vua đã chuẩn cho hằng năm chi tiền gạo cấp cho bà (30 quan tiền, 25 phượng gạo) [12, tr. 499].

Đời 4 có Trưởng nam của ngài Nhân là Ngô Bá Hy, không rõ năm sinh năm mất, người đã dựng bia cho ông nội và cha. Ông làm quan đến chức Thự Án Sát tỉnh Biên Hòa rồi Án Sát tỉnh Quảng Nam [13, tr. 154] giữa thế kỷ XIX.

Về nhân cách của Ngô Bá Hy, sử triều Nguyễn ghi: “Trương Đăng Quế từng tâu vua: Lang trung ở ty Văn tuyển bộ Lại là Ngô Bá Hy (Tú tài ấm sinh xuất thân) có thể sung một chỗ khuyết. Tri Phương cũng khen Bá Hy là người có hạnh kiểm, cho là phải. Từ Á Khanh trở xuống, có nhiều người bảo rằng: hiện nay hàm tứ phẩm dự có khoa mục, thực thụ lâu năm còn nhiều, không muốn cử Bá Hy... Rồi sau cùng bàn đem Bá Hy đổi bổ làm thự Án sát tỉnh Biên Hoà (vì rằng Gia Định là hạt lớn, hiện nay cứu chữa là việc quan yếu, xin đem Án sát Biên Hoà là Lê Di đổi bổ về Gia Định, rồi lấy Bá Hy điền bổ vào chỗ khuyết ở Biên Hoà)”[13, tr. 147]. Hiện nay, một bộ phận con cháu của họ Ngô vẫn đang sinh sống tại thôn Cổ Mỹ.

4. VÀI NÉT SỰ NGHIỆP CỦA NGÔ BÁ NHÂN

Các bộ sử của triều Nguyễn như *Đại Nam liệt truyện* và *Đại Nam thực lục* đã viết rất rõ về hành trạng của Ngô Bá Nhân. Ông người huyện Vĩnh Linh, có tiếng là người văn học. Vào năm Tân Dậu (1801) đời Gia Long đem lòng thành quy phục. Năm Gia Long thứ 3 (1804), sung làm thư ký Sứ bộ sang nước Thanh. Ông cũng đã trải làm Hàn lâm Trực giảng, Hộ bộ Thiêm sự. Minh Mạng năm thứ 1 (1821), ông được thăng làm Ký lục doanh Quảng Đức, Hiệp trấn Nghệ An. Đến năm 1825, được thăng Đại lý tự khanh biện lý công việc bộ Hộ, lĩnh Hộ tào Gia Định kiêm cả Công tào [11, tr. 294].

Tháng 7 - 1827, Ngô Bá Nhân được bổ Tham hiệp tỉnh Bắc Ninh. Làm việc ở Bắc Ninh không bao lâu, đến tháng 5-1828 ông được đổi bổ Hiệp trấn Sơn Tây [8, tr. 65]. Đến tháng 7 - 1828, Ngô Bá Nhân thăng bổ hữu Thị lang Hình bộ lãnh Hình tào Bắc Thành.

Tháng 3 - 1829, Ngô Bá Nhân được triệu về kinh, thăng Hữu Tham tri bộ Hộ lãnh Hộ tào Gia Định. Năm Nhâm Thìn 1832, điều Hộ Bộ thự Hữu Tham tri lĩnh Gia Định thành Hộ tào Ngô Bá Nhân làm thự Binh Bộ Hữu Tham tri lĩnh Bảo hộ Chân Lạp, đóng giữ đồn Châu Đốc, kiêm lĩnh việc trấn Hà Tiên.

Năm 1832, trong cuộc cải cách hành chính trong cả nước, vua Minh Mạng xóa ngũ trấn và thành lập 6 tỉnh Nam Kỳ. Ngô Bá Nhân được giữ nguyên hàm đổi bổ Tuần phủ An Giang. Ông cùng với Tổng đốc An Hà Lê Đại Cương lĩnh bảo hộ quốc ấn Chân Lạp. Những năm tháng đầu tiên, Tuần phủ An Giang Ngô Bá Nhân cùng Tổng đốc Lê Đại Cương làm được nhiều việc, từ việc bảo hộ, giúp đỡ vương triều Chân Lạp ổn định tình hình, giữ vững vương triều trước việc những tên Ốc Pha phản thần Chân Lạp đầu hàng cầu viện Xiêm, đến việc đề xuất khởi công xây dựng tỉnh thành An Giang ở vị trí mới (phường Long Sơn, thị xã Tân Châu hiện nay) bảo đảm cho việc phòng thủ ở vùng đất phen giậu thay cho đồn Châu Đốc không còn phù hợp. Ông cũng vạch kế hoạch khai đào thủy đạo từ Tiền Giang ở Tân Thành đến Hậu Giang ở Châu Đốc (dài hơn 3.800 trượng)...; đồng thời đề xuất bổ sung những quan lại có năng lực cho An Giang

và còn tăng khả năng bảo hộ Chân Lạp, như trường hợp Hồ Công Chi và việc chiêu mộ 10 đội quân phiên.

Một đóng góp lớn của Tuần phủ Ngô Bá Nhân đối với An Giang là sắp xếp lại hệ thống tổng, làng trên địa bàn hai huyện Đông Xuyên và Tây Xuyên cho phù hợp với địa hình sông ngòi Hậu Giang. *Đại Nam thực lục* chép: “Ngô Bá Nhân tâu “Trước đây đình thần bàn về phía đông sông Hậu Giang, đặt huyện Đông Xuyên lấy các thôn ấp mới lập ở đồn Châu Đốc làm 1 tổng, lại trích lấy 2 tổng của huyện Vĩnh Định cho lệ thuộc vào. Ở phía Tây sông Hậu Giang, đặt huyện Tây Xuyên, trích lấy 4 tổng của huyện Vĩnh An cho lệ thuộc vào, nay xét 3 tổng thuộc huyện Đông Xuyên, đều ở bên tây sông Hậu Giang, 4 tổng của huyện Tây Xuyên đều ở bên đông sông Hậu Giang, vậy xin đổi lại cho hợp với địa thế đông, tây. Vua y cho [9, tr. 290-291]. Như vậy, từ tháng 12-1832, huyện Đông Xuyên chính thức quản lý 4 tổng, 42 thôn bờ đông sông Hậu (An Lương, An Phú, An Thành và An Toàn), huyện Tây Xuyên quản 3 tổng, 49 thôn bờ tây sông Hậu (Châu Phú, Định Phước và Định Thành).

Năm Quý Tỵ 1833, xây dựng tỉnh thành An Giang, Tuần phủ Ngô Bá Nhân tâu bày cách trình bày. Vua sai triển hành khẩn trương. Tuần phủ An Giang Ngô Bá Nhân bị bệnh mất vào tháng 4-1833 khi đang tại chức.

Ngô Bá Nhân là một người con của quê hương Cổ Trai có gốc từ họ Mạc. Ông trở thành một danh nhân, có nhiều đóng góp cho đất nước. Tại quê hương ông may mắn còn lưu giữ lại ngôi mộ, có bia khắc do con ông tạo dựng gần như là dấu tích duy nhất liên quan đến ông trên quê hương Cổ Trai, Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Dương Văn An (2018). *Ô châu cận lục*, Hiệu đính dịch chú Trần Đại Vinh, Hoàng Văn Phúc, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [2]. BCH Đảng bộ xã Vĩnh Giang (2010). *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Vĩnh Giang*, Sở Văn hóa, thể thao và du lịch Quảng Trị xuất bản.
- [3]. Léopol Michel Cadière (2018). “Về bà vợ của Sãi Vương”, *Những người bạn cố đô Huế (BAVH), Tập IX, 1922*, tái bản, Phan Xung dịch, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [4]. Lê Quý Đôn (1977). *Lê Quý Đôn toàn tập, Tập 1: Phủ biên tạp lục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [5]. Gia phả dòng họ Nguyễn Trường ở Duy Sơn, Duy Xuyên, Quảng Nam.
- [6]. Gia phả dòng họ Ngô Bá ở Cổ Mỹ, Vĩnh Giang, Vĩnh Linh, Quảng Trị.
- [7]. Hội đồng trị sự Nguyễn Phước tộc (1995). *Nguyễn Phước tộc thế phả*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [8]. Quốc Sử quán triều Nguyễn (1964). *Đại Nam thực lục chính biên*, tập 9, Nxb Khoa học, Hà Nội.
- [9]. Quốc Sử quán triều Nguyễn (1964). *Đại Nam thực lục chính biên*, tập 11, Nxb Khoa học, Hà Nội.
- [10]. Quốc Sử quán triều Nguyễn (1992). *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [11]. Quốc Sử quán triều Nguyễn (1993). *Đại Nam liệt truyện*, tập 3, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [12]. Quốc Sử quán triều Nguyễn (2007). *Đại Nam thực lục*, tập 5, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [13]. Quốc Sử quán triều Nguyễn (2007). *Đại Nam thực lục*, tập 7, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

HOMETOWN, FAMILY AND CAREER OF NGO BA NHAN

Nguyen Van Dang

Faculty of History, University of Sciences, Hue University

*Email: nvdang2101@gmail.com

ABSTRACT

Ngo Ba Nhan was a notable figure during the early Nguyen Dynasty.. Following the unification of the country in the early 19th century, he rose to prominence as a mandarin, making many significant contributions across various fields. The historians believed that he was from Vinh Linh district. Through diligent research, his hometown was identified as Co Trai village, originating from the Mac family. From historical sources, especially fieldwork documents in Vinh Giang commune, Vinh Linh district, Quang Tri province, this study aims to clarify the hometown, family background and explore his notable career.

Keywords: Famous people of the Nguyen Dynasty, Ngo Ba Nhan, Vinh Linh, Quang Tri.



Nguyễn Văn Đăng sinh ngày 20/10/1962 tại Thừa Thiên Huế. Ông tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Lịch sử tại trường Đại học Khoa học, ĐH Huế năm 1989; nhận học vị Tiến sĩ năm 2002 tại Trường Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn, ĐH Quốc gia Hà Nội. Ông công tác tại Khoa Lịch sử Trường ĐH Khoa học, Đại học Huế từ năm 1989.

Lĩnh vực nghiên cứu: Lịch sử Việt Nam, lịch sử thủ công nghiệp Việt Nam, Lịch sử làng xã, văn hóa miền Trung, Gia phả học.